

BỘ QUỐC PHÒNG
Số: 04/2008/TT-BQP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 2008

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 132/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2007
của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Thi hành Nghị định số 132/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (sau đây được viết là Nghị định số 132/2007/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TTLT-BNV-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2007 của liên Bộ: Nội vụ - Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 132/2007/NĐ-CP;

Sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ tại công văn số 3579/BNV-TCBC ngày 13 tháng 12 năm 2007, Bộ Tài chính tại công văn số 17226/BTC-VI ngày 18 tháng 12 năm 2007, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, lao động hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế do Bộ tổng Tham mưu giao hưởng lương từ ngân sách nhà nước có tham gia đầy đủ nghĩa vụ bảo hiểm xã hội (sau đây được viết tắt là công nhân viên chức quốc phòng) trong các cơ quan, đơn vị thuộc quân đội; một số chức danh quản lý không phải là quân nhân trong công ty nhà nước thuộc quân đội thực hiện cổ phần hoá, giao, bán, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản hoặc chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Công nhân viên chức quốc phòng dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà không thể bố trí công việc khác phù hợp tại cơ quan, đơn vị đó.
- b) Công nhân viên chức quốc phòng thôi giữ chức vụ lãnh đạo bao gồm: Cán bộ bầu cử và bổ nhiệm, do sắp xếp tổ chức hoặc không tái cử nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu, không bố trí được theo vị trí công việc mới.
- c) Công nhân viên chức quốc phòng chưa đạt trình độ chuẩn theo quy định của vị trí công việc đang đảm nhận nhưng không có vị trí công tác khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại được; công nhân viên chức quốc phòng dôi dư do cơ cấu trong cơ quan, đơn vị không hợp lý và không thể bố trí, sắp xếp được công việc khác.

d) Công nhân viên chức quốc phòng không hoàn thành nhiệm vụ đối với công việc được giao trong hai năm liền kề gần đây do năng lực chuyên môn nghiệp vụ yếu hoặc sức khỏe không bảo đảm hoặc do thiếu tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức, kỷ luật kém nhưng chưa đến mức buộc thôi việc.

đ) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát không phải là quân nhân của các công ty nhà nước thuộc quân đội thực hiện cổ phần hoá, giao, bán, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản hoặc chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005. Các chức danh này nếu cơ quan có thẩm quyền quyết định là thành viên của Ban thanh lý doanh nghiệp, sau khi Ban thanh lý doanh nghiệp giải thể, không bố trí được công việc khác thì cũng được áp dụng chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Thông tư này.

3. Đối tượng chưa áp dụng

a) Đang trong thời gian điều trị, điều dưỡng tại bệnh viện có xác nhận của Giám đốc bệnh viện.

b) Đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

4. Đối tượng không áp dụng

a) Công nhân viên chức quốc phòng tự ý bỏ việc hoặc đi học tập, công tác, nghỉ phép ở nước ngoài quá thời hạn từ 30 ngày trở lên không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

b) Công nhân viên chức quốc phòng không trong diện sắp xếp tinh giản biên chế nhưng tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc hoặc chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước do nhu cầu cá nhân.

c) Công nhân viên chức quốc phòng bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

d) Công nhân quốc phòng làm việc trong các doanh nghiệp quân đội, hưởng lương theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

II. CƠ SỞ TÍNH TOÁN TRỢ CẤP CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Tiền lương và các loại phụ cấp

a) Tiền lương và phụ cấp để làm cơ sở tính toán chế độ trợ cấp là tiền lương theo ngạch, bậc và các khoản phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có), trong đó:

- Tiền lương theo ngạch, bậc là hệ số lương theo ngạch, bậc nhân với mức lương tối thiểu chung;

- Phụ cấp chức vụ lãnh đạo là hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) nhân với mức lương tối thiểu chung;

- Phụ cấp thâm niên vượt khung là tỷ lệ % được hưởng (nếu có) nhân với hệ số bậc lương cuối cùng trong ngạch, nhân với mức lương tối thiểu chung;

- Phụ cấp thâm niên nghề là tỷ lệ % được hưởng (nếu có) nhân với tổng của hệ số lương theo ngạch, bậc, hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có), tỷ lệ % (quy theo hệ số) phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có), nhân với mức lương tối thiểu chung;

- Mức chênh lệch bảo lưu là hệ số chênh lệch bảo lưu nhân với mức lương tối thiểu chung;
- Hệ số lương và phụ cấp lương trước ngày 01/10/2004 được tính theo hệ số tiền lương và phụ cấp quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 và Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ, các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tiền lương, có hiệu lực thi hành trước ngày 01/10/2004. Từ ngày 01/10/2004 trở đi được tính theo hệ số tiền lương và phụ cấp lương chuyển xếp theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tiền lương, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2004;
- Mức lương tối thiểu chung để tính chế độ cho giai đoạn trước ngày 01/01/2003 là 210.000 đồng/tháng; giai đoạn từ ngày 01/01/2003 đến ngày 30/9/2005 là 290.000 đồng/tháng; giai đoạn từ ngày 01/10/2005 đến ngày 30/9/2006 là 350.000 đồng/tháng; giai đoạn từ ngày 01/10/2006 đến ngày 31/12/2007 là 450.000 đồng/tháng; giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến trước thời điểm điều chỉnh tiền lương tối thiểu tiếp theo là 540.000 đồng/tháng; các giai đoạn tiếp theo do Chính phủ quy định.
- b) Tiền lương tháng làm căn cứ để tính chế độ trợ cấp quy định tại khoản 1, điểm b, khoản 2,3, điểm c, khoản 4, Mục III của Thông tư này được tính bằng bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của 5 năm cuối (60 tháng) trước khi tính giản biên chế. Đối với những trường hợp chưa đủ 5 năm công tác thì được tính bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của toàn bộ thời gian công tác.
- c) Tiền lương tháng hiện hưởng là tiền lương của tháng liền kề trước thời điểm tính giản biên chế.

2. Thời gian tính hưởng trợ cấp

- a) Số năm công tác để tính trợ cấp là số năm được tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội (theo sổ bảo hiểm xã hội của mỗi người). Nếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội có tháng lẻ thì được tính theo nguyên tắc: dưới 03 tháng thì không tính, từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng được tính là 1/2 năm, từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính tròn là 1 năm.
- b) Trường hợp công nhân viên chức quốc phòng phạm tội bị tòa án tuyên án phạt tù nhưng được hưởng án treo hoặc phạt cải tạo không giam giữ mà vẫn được cơ quan, đơn vị bố trí làm việc thì thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian thi hành án cũng được tính là thời gian công tác để tính hưởng trợ cấp.
- c) Thời điểm hưởng lương hưu hằng tháng đối với các đối tượng quy định tại điểm c, khoản 1, Mục III của Thông tư này được tính từ tháng liền kề sau tháng đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội.

III. CÁC CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Chính sách đối với những người nghỉ hưu trước tuổi

- a) Những người thuộc đối tượng tính giản biên chế từ đủ 55 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, từ đủ 50 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên thì được nghỉ hưu hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, không bị trừ tỷ lệ % lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi. Ngoài việc được

nghỉ hưu hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, còn được hưởng thêm các khoản trợ cấp sau:

- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương bình quân thực lĩnh cho mỗi năm (đủ 12 tháng) nghỉ hưu trước tuổi so với quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 50 của Luật bảo hiểm xã hội. Trường hợp thời gian nghỉ hưu sớm có số tháng lẻ thì được tính trợ cấp là:

- + Số tháng lẻ đủ 06 tháng trở xuống được trợ cấp 01 tháng tiền lương bình quân thực lĩnh;
- + Số tháng lẻ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được trợ cấp 02 tháng tiền lương bình quân thực lĩnh.

Tiền trợ cấp tính cho	Số tháng được trợ cấp	Tiền lương tháng
thời gian nghỉ hưu =	(tính theo thời gian nghỉ hưu trước	x bình quân
trước tuổi quy định	tuổi quy định)	thực lĩnh

- Được trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân thực lĩnh cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội;

- Được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương bình quân thực lĩnh cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội (đủ 12 tháng) kể từ năm thứ 21 trở đi, nếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội có tháng lẻ thì thực hiện theo nguyên tắc đã nêu tại điểm a, khoản 2, Mục II của Thông tư này.

Tiền trợ cấp do có	Số năm được trợ cấp	Tiền lương tháng
trên 20 năm đóng =	(tính từ năm thứ 21 trở đi có	x 1/2 x bình quân
bảo hiểm xã hội	đóng bảo hiểm xã hội)	thực lĩnh

Ví dụ 1: Bà Dương Thị Hoa, 52 tuổi 4 tháng, thuộc diện tinh giản biên chế, được nghỉ hưu trước tuổi (2 năm 8 tháng) kể từ ngày 01/6/2008, thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội là 31 năm 3 tháng (20 năm + 11 năm 3 tháng), hệ số lương hiện hưởng 4,32 (ngạch 06.031, bậc 7) từ 01/10/2005. Mức bình quân tiền lương tháng thực lĩnh trong 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu (từ 01/6/2003 đến 01/6/2008) cụ thể như sau:

- Từ 6/2003 đến 9/2004 (16 tháng) hệ số lương 2,98 (ngạch 06.031, bậc 6), mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng:

$$290.000 \text{ đ} \times 2,98 \times 16 \text{ tháng} = 13.827.200 \text{ đồng}$$

- Từ 10/2004 đến 9/2005 (12 tháng) hệ số lương 3,99 (ngạch 06.031, bậc 6), mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng:

$$290.000 \text{ đ} \times 3,99 \times 12 \text{ tháng} = 13.885.200 \text{ đồng}$$

- Từ 10/2005 đến 9/2006 (12 tháng) hệ số lương 4,32 (ngạch 06.031, bậc 7), mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng:

$$350.000 \text{ đ} \times 4,32 \times 12 \text{ tháng} = 18.144.000 \text{ đồng}$$

- Từ 10/2006 đến 12/2007 (15 tháng) hệ số lương 4,32 (ngạch 06.031, bậc 7), mức lương tối thiểu chung là 450.000 đồng:

$$450.000 \text{ đ} \times 4,32 \times 15 \text{ tháng} = 29.160.000 \text{ đồng}$$

- Từ 01/2008 đến 5/2008 (5 tháng) hệ số lương 4,32 (ngạch 06.031, bậc 7), mức lương tối thiểu chung là 540.000 đồng:

$$540.000 \text{ đ} \times 4,32 \times 5 \text{ tháng} = 11.664.000 \text{ đồng}$$

Mức bình quân tiền lương tháng thực lĩnh trong 5 năm cuối là:

$$(13.827.200\text{đ} + 13.885.200\text{đ} + 18.144.000\text{đ} + 29.160.000\text{đ} + 11.664.000\text{đ})/60 \text{ tháng} = \mathbf{1.444.673\text{đ/th}}$$

Bà Dương Thị Hoa trước khi về nghỉ hưu hằng tháng, ngoài chế độ được hưởng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, còn được trợ cấp theo chính sách tinh giản biên chế là:

- Trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi quy định:

$$(2 \text{ năm} \times 3 \text{ tháng} + 2 \text{ tháng}) \times 1.444.673 \text{ đ} = 11.557.384 \text{ đ}$$

- Trợ cấp cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội:

$$5 \text{ tháng} \times 1.444.673 \text{ đ} = 7.223.365 \text{ đ}$$

- Trợ cấp do có trên 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội:

$$11,5 \text{ năm} \times 1/2 \times 1.444.673 \text{ đ} = 8.306.870 \text{ đ}$$

Tổng số tiền trợ cấp bà Hoa được nhận theo chính sách tinh giản biên chế là:

$$11.557.384 \text{ đ} + 7.223.365 \text{ đ} + 8.306.870 \text{ đ} = \mathbf{27.087.619 \text{ đồng}}$$

b) Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại điểm đ, khoản 2, Mục I của Thông tư này nếu từ đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, từ đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên thì được hưởng chế độ, chính sách như đối tượng quy định tại điểm a, khoản này.

c) Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại điểm a, b, khoản này nếu có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 19 năm 06 tháng trở lên đến dưới 20 năm thì cơ quan, đơn vị sẽ đóng bảo hiểm xã hội một lần cho số tháng còn thiếu, mức đóng bằng tổng mức đóng của người lao động và người sử dụng lao động trước khi tinh giản biên chế vào quỹ hưu trí và tử tuất để giải quyết chế độ hưu hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, không bị trừ tỷ lệ % lương hưu trước tuổi, được hưởng chế độ, chính sách như đối tượng quy định tại điểm a, khoản này.

Mức đóng của cơ quan, đơn vị cho các đối tượng trên vào quỹ hưu trí và tử tuất cụ thể là:

- Trường hợp thực hiện tinh giản biên chế từ ngày 31/12/2009 trở về trước, mức đóng một lần bằng 16% tiền lương tháng hiện hưởng cho số tháng còn thiếu;

- Trường hợp thực hiện tinh giản biên chế từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2011, mức đóng một lần bằng 18% tiền lương tháng hiện hưởng cho số tháng còn thiếu.